

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 503/TB-BYT

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2016

THÔNG BÁO

VỀ VIỆC CÔNG KHAI SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH NĂM 2014

Đơn vị : Bộ Y tế

Chương : 1.023

Căn cứ Thông báo số 1001/TB-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Tài chính thông báo thẩm định số liệu quyết toán năm 2014 của Bộ Y Tế;

Căn cứ quy định tại điểm 2 Mục I Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22/3/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Bộ Y tế thông báo công khai số liệu quyết toán kinh phí hành chính, sự nghiệp năm 2014 thuộc nguồn ngân sách nhà nước, kinh phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia, vốn CK (không bao gồm vốn đầu tư XDCB, vốn viện trợ, vốn vay, kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ theo Quyết định số 2285/QĐ-TTg ngày 13/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ, kinh phí trợ giá của Nhà xuất bản y học); Nguồn phí, lệ phí và nguồn kinh phí khác (không bao gồm nguồn vốn khác thuộc các Ban quản lý các dự án ODA độc lập) của các đơn vị dự toán trực thuộc tại các phụ lục kèm theo.

Hình thức công khai: Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế (địa chỉ: moh.gov.vn) và công khai tại Trụ sở cơ quan Bộ Y tế.

Bộ Y tế thông báo để các đơn vị biết và đề nghị đồng chí Thủ trưởng đơn vị căn cứ Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2014 của Bộ Y tế đối với đơn vị để công bố công khai quyết toán đã được phê duyệt theo quy định tại điểm 2 Mục I Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22/3/2005 của Bộ Tài chính nêu trên.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Các đơn vị, Dự án trực thuộc Bộ;
- Vụ Ngân sách Nhà nước (Bộ Tài chính);
- Website Bộ Y tế;
- Lưu: VT, KH-TC4.

Nguyễn Thị Kim Tiến

PHỤ LỤC SỐ 01

**CÔNG KHAI DUYỆT QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN PHÍ, LỆ PHÍ VÀ NGUỒN KINH
PHÍ KHÁC NĂM 2014**

(Đính kèm Thông báo số /TB-BYT ngày tháng 5 năm 2016 của Bộ Y Tế)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên đơn vị	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối năm trước chuyển sang	Thu trong năm	Chi trong năm	Nộp ngân sách nhà nước	Nộp cấp trên	Bổ sung nguồn kinh phí	Trích lập các quỹ	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối năm
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=1+2-3-...-7
	Tổng Cộng	303.847	24.486.794	7.157.224	199.483	0	16.639.033	503.859	291.042
1	Viện Vệ Sinh Dịch Tễ Trung ương	0	86.938	76.021	1.321	0	9.488	109	0
2	Viện Pasteur TP.Hồ Chí Minh	0	267.688	213.732	5.651	0	48.305	0	0
3	Viện Vệ Sinh Y tế công cộng TP.Hồ Chí Minh	420	70.700	16.849	5.291	0	48.467	0	513
4	Viện Vacxin và sinh phẩm y tế	0	73.906	71.374	495	0	713	1.324	0
5	Viện Pasteur Nha Trang	0	60.077	29.101	2.888	0	20.898	7.190	0
6	Viện Vệ Sinh Dịch Tễ Tây Nguyên	1.889	17.059	11.092	495	0	2.071	495	4.796
7	Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương	1.517	25.784	17.266	1.261	0	8.766	0	8
8	Viện Sốt rét kí sinh trùng - côn trùng Trung ương	298	7.265	397	0	0	6.691	475	0
9	Viện Kiểm nghiệm thuốc TP.Hồ Chí Minh	75	35.801	17.481	2.062	0	15.188	1.005	140
10	Viện Sốt rét kí	0	2.529	1.553	51	0	0	644	281

	sinh trùng - côn trùng Hồ Chí Minh								
11	Viện Sốt rét kí sinh trùng - côn trùng Quy Nhơn	65	74.151	35.922	376	0	32.356	5.264	298
12	Trung tâm truyền thông giáo dục sức khỏe trung ương	0	1.290	677	0	0	0	53	560
13	Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường	0	3.105	784	224	0	1.716	201	181
14	Viện Kiểm định quốc gia vacxin và sinh phẩm y tế	0	11.976	3.664	833	0	7.466	13	0
15	Viện Dược liệu	416	19.183	13.603	864	0	4.612	0	521
16	Viện Dinh dưỡng	100	38.145	28.929	656	0	8.350	0	311
17	Tạp chí dược học	0	106	106	0	0	0	0	0
18	Viện Chiến lược và chính sách y tế	0	503	0	0	0	154	0	349
19	Viện Y học biển	0	34.021	90	0	0	33.932	0	0
20	Tạp chí y học thực hành	0	1.177	1.168	2	0	0	7	0
21	Viện Kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm quốc gia	1.609	18.211	1.534	2.182	0	15.342	440	323
22	Bệnh viện Hữu Nghị	0	305.271	35.419	1.147	0	268.706	0	0
23	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức	1.130	1.017.190	79.784	2.841	0	935.057	9	629
24	Bệnh viện Nhi trung ương	0	993.992	12.861	4.178	0	976.953	0	0
25	Bệnh viện Bạch Mai	0	3.998.176	1.539.356	27.563	0	2.425.047	6.211	0
26	Viện huyết học truyền máu trung ương	0	847.681	6.234	0	0	831.046	0	10.401
27	Bệnh viện Da liễu	0	245.954	163.951	1.838	0	80.166	0	0

	trung ương								
28	Bệnh viện lão khoa trung ương	0	137.481	27.842	926	0	108.712	0	0
29	Bệnh viện bệnh nhiệt đới trung ương	0	208.074	0	0	0	208.074	0	0
30	Bệnh viện Đa khoa trung ương Thái Nguyên	0	231.966	32.482	505	0	198.978	0	0
31	Bệnh viện E	0	229.581	22.317	821	0	206.442	0	0
32	Bệnh viện E - Trung tâm Tim mạch trực thuộc Bệnh viện E	0	104.425	36	59	0	104.329	0	0
33	Bệnh viện phổi trung ương	25.241	188.047	16.026	896	0	196.367	0	0
34	Bệnh viện phụ sản trung ương	0	735.906	185.912	4.445	0	545.549	0	0
35	Bệnh viện K	0	1.245.557	244.442	258	0	1.000.857	0	0
36	Bệnh viện Tai - Mũi - Họng trung ương	0	172.126	103	1.559	0	170.464	0	0
37	Viện Pháp y quốc gia	0	3.492	373	148	0	2.971	0	0
38	Bệnh viện Thống Nhất	0	582.918	107.129	1.157	0	474.632	0	0
39	Bệnh viện C Đà Nẵng	0	89.322	6.235	208	0	82.879	0	0
40	Bệnh viện Chợ Rẫy	1.074	3.560.864	412.487	10.109	0	3.137.795	0	1.547
41	Bệnh viện Đa khoa trung ương Huế	0	1.064.549	140.253	2.960	0	921.335	0	0
42	Bệnh viện Tâm thần trung ương II	0	37.712	28	32	0	37.652	0	0
43	Bệnh viện Phong và Da liễu Quy Hòa	0	77.832	32.588	455	0	44.789	0	0
44	Bệnh viện Răng	0	166.617	84.581	2.234	0	79.110	0	691

	Hàm Mặt Trung ương TP.Hồ Chí Minh								
45	Bệnh viện Đa Khoa Trung Ương Quảng Nam	0	143.180	8.204	145	0	134.830	0	0
46	Bệnh viện Đa Khoa Trung Ương Cần Thơ	0	463.513	66.175	1.678	0	395.661	0	0
47	Bệnh viện Việt Nam - Thụy điển Uông Bí	0	236.460	16.638	893	0	216.318	2.611	0
48	Bệnh viện mắt Trung Ương	0	474.196	276.969	5.220	0	192.007	0	0
49	Viện bỏng Lê Hữu Trác	0	77.646	0	0	0	77.646	0	0
50	Bệnh viện Nội tiết Trung Ương	0	322.109	54.015	1.279	0	260.320	6.494	0
51	Bệnh viện tâm thần Trung Ương I	0	10.650	0	0	0	10.650	0	0
52	Bệnh viện 71 Trung Ương	0	33.061	190	0	0	32.629	242	0
53	Bệnh viện 74 Trung Ương	0	57.488	2.500	0	0	54.782	206	0
54	Bệnh viện Phong và Da liễu Trung ương Quỳnh Lập	0	13.570	0	0	0	13.570	0	0
55	Bệnh viện Răng hàm mặt Trung ương Hà Nội	2.188	147.747	5.636	524	0	142.097	19	1.659
56	Bệnh viện y học cổ truyền Trung Ương	0	85.351	9.530	53	0	75.768	0	0
57	Bệnh viện Châm cứu Trung Ương	0	42.707	17	462	0	42.228	0	0
58	Bệnh viện Điều dưỡng và PHCN Trung Ương	0	12.947	345	0	0	12.602	0	0
59	Bệnh viện Việt	0	122.318	16.235	54	0	104.679	1.351	0

	Nam - Cuba Đồng Hới								
60	Viện Giám định pháp y tâm thần Trung ương	0	8.075	0	262	0	7.813	0	0
61	Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật thiết bị y tế	9	1.730	13	16	0	1.701	0	9
62	Trường Đại học Kỹ thuật y tế Hải Dương	0	58.984	1.236	61	0	57.684	0	3
63	Trường Cao đẳng dược trung ương Hải Dương	42	19.015	2.018	48	0	16.873	0	117
64	Trường Đại học Kỹ thuật Y Dược Đà Nẵng	0	36.618	219	105	0	34.928	18	1.348
65	Học viện y dược học cổ truyền Việt Nam	57.921	80.101	10.119	894	0	117.871	2.063	7.075
66	Trường Đại học Y Hà Nội	17.294	866.343	498.864	13.178	0	218.965	114.411	38.219
67	Trường Đại học Dược Hà Nội	1.713	79.800	6.798	875	0	72.668	0	1.171
68	Trường Đại học Y Dược Thái Bình	25	141.953	19.815	723	0	115.581	5.834	25
69	Trường Đại học Y Dược TP.Hồ Chí Minh	183.520	2.753.060	2.189.686	56.717	0	203.845	321.088	165.244
70	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	322	114.431	2.476	1.136	0	110.079	421	640
71	Trường Đại học Điều Dưỡng Nam Định	0	35.817	307	404	0	35.106	0	0
72	Trường Đại học Y tế Công Cộng	0	34.642	2.900	339	0	31.402	0	0
73	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	2.616	297.965	60.923	3.787	0	221.968	12.420	1.483
74	Văn Phòng Bộ	1.978	4.237	335	700	0	3.174	0	2.005

75	Cục quản lý Dược	0	63.185	2.017	12.234	0	0	718	48.217
76	Cục an toàn thực phẩm	0	28.052	65	5.706	0	14.255	8.026	1
77	Cục y tế dự phòng	23	129	107	4	0	14	0	27
78	Cục Quản lý khám chữa bệnh	0	7.228	0	1.421	0	5.620	187	0
79	Cục quản lý môi trường y tế	0	1.570	0	305	0	1.252	0	13
80	Viện trang thiết bị và công trình y tế	0	66.515	65.483	226	0	0	805	1
81	Trung tâm nghiên cứu sản xuất vacxin và sinh phẩm y tế	0	84.756	81.714	669	0	0	2.373	0
82	Bảo sức khỏe và đời sống	1.634	39.085	38.763	71	0	60	141	1.684
83	Cục khoa học công nghệ và đào tạo	0	193	169	0	0	0	0	23
84	Trung tâm Đào tạo, Bồi dưỡng	0	2.955	2.424	56	0	0	475	0
85	Bảo gia đình và xã hội	0	22.762	22.141	104	0	0	518	0
86	Cục Công nghệ Thông tin	727	206	397	5	0	2	0	529
87	Cục Quản lý y Dược cổ Truyền	0	347	0	98	0	249	0	0
88	Quỹ Phòng, chống tác hại của thuốc lá	0	299.751	0	39	0	299.711	0	1

PHỤ LỤC SỐ 02

THÔNG BÁO CÔNG KHAI DUYỆT QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN PHÍ, LỆ PHÍ VÀ NGUỒN KINH PHÍ KHÁC NĂM 2014

(Đính kèm Thông báo số /TB-BYT ngày tháng 5 năm 2016 của Bộ Y Tế)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên đơn vị, Loại, Khoản	Tổng cộng	Chia ra		
			Nguồn ngân sách trong nước	Nguồn phí, lệ phí	Nguồn kinh phí khác
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	Tổng cộng	21.015.321	4.685.849	532.453	15.797.019
1	Viện Vệ Sinh Dịch Tễ Trung ương	296.543	290.373	514	5.656
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	3.200	3.200	0	0
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	884	370	514	0
	Loại 490-504: Đào tạo lại	27	27	0	0
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	51.926	46.270	0	5.656
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	992	992	0	0
	Dự án tiêm chủng mở rộng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Y tế: 0370.0373	236.925	236.925	0	0
	Dự án giám sát dịch HIV/AIDS và can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV: 0410.0412	550	550	0	0
	Dự án phòng chống sốt xuất huyết: 0370.0378.0004	2.039	2.039	0	0
2	Viện Pasteur TP.Hồ Chí Minh	83.709	35.857	0	47.853
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	880	880	0	0
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	4	4	0	0
	Loại 490-504: Đào tạo lại	54	54	0	0
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	73.723	25.871	0	47.853

	Dự án tiêm chủng mở rộng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Y tế: 0370.0373	1.943	1.943	0	0
	Dự án giám sát dịch HIV/AIDS và can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV: 0410.0412	280	280	0	0
	Dự án phòng chống sốt xuất huyết: 0370.0378.0004	6.826	6.826	0	0
3	Viện Vệ Sinh Y tế công cộng TP.Hồ Chí Minh	90.718	42.251	38.590	9.877
	Loại 280-281: Chi sự nghiệp Bảo vệ môi trường	274	274	0	0
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	213	213	0	0
	Loại 490-497: Đào tạo Trung học	1.344	360	984	0
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	648	240	408	0
	Loại 490-504: Đào tạo lại	459	459	0	0
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	86.174	39.098	37.198	9.877
	Dự án nâng cao năng lực, TT và GS: 0070.0077	139	139	0	0
	Dự án tăng cường phòng, chống bệnh nghề nghiệp: 0270.0275	80	80	0	0
	Dự án tăng cường năng lực kiểm nghiệm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm; xây dựng hệ thống giám sát ngộ độc thực phẩm, các bệnh truyền qua thực phẩm và phân tích nguy cơ ô nhiễm thực phẩm: 0170.0173	270	270	0	0
	Dự án phòng, chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm: 0170.0178	400	400	0	0
	Dự án cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em: 0370.0374.0002	299	299	0	0
	Hoạt động truyền thông về y tế học đường: 0370.0381.0002	44	44	0	0
	Dự án phòng chống sốt xuất huyết: 0370.0378.0004	375	375	0	0

4	Viện Vacxin và sinh phẩm y tế	12.167	10.767	0	1.400
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	267	267	0	0
	Loại 520-523: Hoạt động tế dự phòng	11.900	10.500	0	1.400
5	Viện Pasteur Nha Trang	48.632	34.712	630	13.290
	Loại 280-281: Chi sự nghiệp Bảo vệ môi trường	182	182	0	0
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	41	41	0	0
	Loại 490-497: Đào tạo Trung học	992	362	630	0
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	42.744	29.454	0	13.290
	Dự án nâng cao năng lực, TT và GS: 0070.0077	80	80	0	0
	Dự án tăng cường phòng, chống bệnh nghề nghiệp: 0270.0275	80	80	0	0
	Dự án tăng cường năng lực kiểm nghiệm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, xây dựng hệ thống giám sát ngộ độc thực phẩm, các bệnh truyền qua thực phẩm và phân tích nguy cơ ô nhiễm thực phẩm: 0170.0173	200	200	0	0
	Dự án phòng, chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm: 0170.0178	200	200	0	0
	Dự án tiêm chủng mở rộng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Y tế: 0370.0373	1.310	1.310	0	0
	Dự án cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em: 0370.0374.0002	295	295	0	0
	Hoạt động truyền thông về y tế học đường: 0370.0381.0002	40	40	0	0
	Dự án giám sát dịch HIV/AIDS và can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV: 0410.0412	250	250	0	0
	Dự án phòng chống sốt xuất huyết: 0370.0378.0004	2.217	2.217	0	0

6	Viện Vệ Sinh Dịch Tế Tây Nguyên	42.909	42.231	0	679
	Loại 280-281: Chi sự nghiệp Bảo vệ môi trường	99	99	0	0
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	133	133	0	0
	Loại 490-504: Đào tạo lại	82	82	0	0
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	39.795	39.116	0	679
	Dự án nâng cao năng lực, TT và GS: 0070.0077	60	60	0	0
	Dự án tăng cường phòng, chống bệnh nghề nghiệp: 0270.0275	70	70	0	0
	Dự án tăng cường năng lực kiểm nghiệm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm; xây dựng hệ thống giám sát ngộ độc thực phẩm, các bệnh truyền qua thực phẩm và phân tích nguy cơ ô nhiễm thực phẩm: 0170.0173	200	200	0	0
	Dự án phòng, chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm: 0170.0178	200	200	0	0
	Dự án tiêm chủng mở rộng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Y tế: 0370.0373	840	840	0	0
	Dự án cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em: 0370.0374.0002	300	300	0	0
	Hoạt động truyền thông về y tế học đường: 0370.0381.0002	30	30	0	0
	Dự án giám sát dịch HIV/AIDS và can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV: 0410.0412	200	200	0	0
	Dự án phòng chống sốt xuất huyết: 0370.0378.0004	900	900	0	0
7	Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung Ương	49.465	43.578	0	5.887
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	3.850	3.850	0	0
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	45.615	39.728	0	5.887

8	Viện Sốt rét kí sinh trùng - côn trùng Trung ương	83.116	78.557	2.529	2.030
	Loại 490-497: Đào tạo Trung học	3.646	1.430	2.196	20
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	433	100	333	0
	Loại 520-522: Hoạt động của các phòng khám, chữa bệnh	1.713	0	0	1.713
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	60.925	60.628	0	298
	Dự án Phòng chống sốt rét: 0370.0378.0003	15.469	15.469	0	0
	Dự án cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em: 0370.0374.0002	100	100	0	0
	Hoạt động truyền thông về y tế học đường: 0370. 0381.0002	130	130	0	0
	Dự án phòng chống sốt xuất huyết: 0370.0378.0004	700	700	0	0
9	Viện Kiểm nghiệm thuốc TP.Hồ Chí Minh	57.192	42.004	0	15.188
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	6.748	6.748	0	0
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	50.444	35.256	0	15.188
10	Viện Sốt rét kí sinh trùng - côn trùng TP. Hồ Chí Minh	26.098	26.098	0	0
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	22.284	22.284	0	0
	Dự án phòng chống sốt rét: 0370.0378.0003	3.214	3.214	0	0
	Dự án phòng chống sốt xuất huyết: 0370.0378.0004	600	600	0	0
11	Viện sốt rét kí sinh trùng- côn trùng Quy Nhơn	87.836	55.796	467	31.573
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	950	950	0	0
	Loại 490-497: Đào tạo Trung học	1.194	720	467	6
	Loại 520-522: Hoạt động của các	31.055	0	0	31.055

	phòng khám, chữa bệnh				
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	43.891	43.380	0	512
	Dự án Phòng chống sốt rét: 0370.0378.0003	10.239	10.239	0	0
	Dự án phòng chống sốt xuất huyết: 0370.0378.0004	507	507	0	0
12	Trung tâm truyền thông giáo dục sức khỏe trung ương	16.028	16.028	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	600	600	0	0
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	14.812	14.812	0	0
	Loại 520-528: Chi Hoạt động xã hội khác	40	40	0	0
	Nâng cao năng lực truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình: 0370.0381.0001	175	175	0	0
	Dự án thông tin giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi phòng HIV/AIDS: 0410.0411	250	250	0	0
	Dự án phòng chống bệnh ung thư: 0370.0378.0005	150	150	0	0
13	Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường	30.036	28.475	0	1.561
	Loại 280-281: Chi sự nghiệp Bảo vệ môi trường	650	650	0	0
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	1.053	1.053	0	0
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	30	30	0	0
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	27.902	26.342	0	1.561
	Dự án nâng cao năng lực, TT và GS: 0070.0077	90	90	0	0
	Dự án tăng cường phòng, chống bệnh nghề nghiệp: 0270.0275	260	260	0	0
	Hoạt động truyền thông về y tế học đường: 0370.0381.0002	50	50	0	0

14	Viện Kiểm định quốc gia vacxin và sinh phẩm y tế	27.071	19.605	0	7.466
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	25.881	18.115	0	7.466
	Dự án tiêm chủng mở rộng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Y tế: 0370.0373	490	490	0	0
	Dự án giám sát dịch HIV/AIDS và can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV: 0410.0412	700	700	0	0
15	Viện Dược liệu	53.457	47.748	0	5.708
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	4.511	4.511	0	0
	Loại 430-432: Các hoạt động điều tra, thăm dò, khảo sát tư vấn trong các lĩnh vực: kinh tế, xã hội, nhân văn và điều tra khác	901	901	0	0
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	80	80	0	0
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	47.964	42.256	0	5.708
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	0	0	0	0
16	Viện Dinh dưỡng	61.618	52.359	687	8.572
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	857	857	0	0
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	568	95	473	0
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	43.979	35.193	214	8.572
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	700	700	0	0
	Dự án nâng cao năng lực quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm ở Việt Nam: 0170.0171	100	100	0	0
	Dự án tăng cường năng lực kiểm nghiệm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm; xây dựng hệ thống giám sát ngộ độc thực phẩm, các bệnh truyền qua thực phẩm và phân tích nguy cơ ô nhiễm thực phẩm: 0170.0173	300	300	0	0

	Dự án cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em: 0370.0374.0002	15.114	15.114	0	0
17	Tạp chí dược học	1.535	1.535	0	0
	Loại 250-251: Trợ giá tạp chí	40	40	0	0
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	1.495	1.495	0	0
18	Viện Chiến lược và chính sách y tế	15.412	15.343	0	70
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	3.353	3.353	0	0
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	11.484	11.415	0	70
	Loại 520-528: Chi Hoạt động xã hội khác	120	120	0	0
	Dự án quân dân y kết hợp: 0370.0375	139	139	0	0
	Dự án Phòng chống bệnh đái tháo đường: 0370.0378.0007	316	316	0	0
19	Viện Y học biển	47.052	13.120	0	33.932
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	33.932	0	0	33.932
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	13.010	13.010	0	0
	Dự án tăng cường phòng, chống bệnh nghề nghiệp: 0270.0275	110	110	0	0
20	Tạp chí y học thực hành	2.432	2.432	0	0
	Loại 250-251: Trợ giá tạp chí	40	40	0	0
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	2.392	2.392	0	0
21	Viện Kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm quốc gia	34.964	21.437	0	13.528
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	33.914	20.387	0	13.528
	Dự án nâng cao năng lực quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm ở Việt Nam: 0170.0171	150	150	0	0
	Dự án tăng cường năng lực kiểm nghiệm chất lượng vệ sinh an toàn thực	500	500	0	0

	phẩm; xây dựng hệ thống giám sát ngộ độc thực phẩm, các bệnh truyền qua thực phẩm và phân tích nguy cơ ô nhiễm thực phẩm: 0170.0173				
	Dự án phòng, chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm: 0170.0178	400	400	0	0
22	Bệnh viện Hữu Nghị	372.091	95.113	0	276.978
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	372.091	95.113	0	276.978
23	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức	1.045.797	49.119	0	996.678
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	5.503	5.503	0	0
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	550	550	0	0
	Loại 490-505: Đào tạo khác trong nước	91	91	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	1.039.653	42.975	0	996.678
24	Bệnh viện Nhi trung ương	1.157.687	176.378	0	981.310
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	5.214	5.214	0	0
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	668	668	0	0
	Loại 490-505: Đào tạo khác trong nước	280	280	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	1.088.566	107.256	0	981.310
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	54.475	54.475	0	0
	Dự án Sức khỏe sinh sản: 0370.0374.0001	100	100	0	0
	Dự án cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em: 0370.0374.0002	100	100	0	0
	Dự án hỗ trợ điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con: 0410.0413	60	60	0	0
	Dự án phòng chống sốt xuất huyết: 0370.0378.0004	225	225	0	0
	Dự án tầm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mất cân bằng	8.000	8.000	0	0

	giới tính khi sinh: 0030.0041				
25	Bệnh viện Bạch Mai	2.517.060	85.722	5.475	2.425.862
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	3.582	3.582	0	0
	Loại 490-497: Đào tạo Trung học	11.623	2.620	5.475	3.528
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	2.316	2.316	0	0
	Loại 490-504: Đào tạo lại	195	195	0	0
	Loại 490-505: Đào tạo khác trong nước	234	234	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	2.478.215	55.881	0	2.422.334
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	15.246	15.246	0	0
	Dự án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân: 0110.0121	28	28	0	0
	Đề án nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và nghiên cứu, thẩm định, triển khai ứng dụng, đánh giá các loại thuốc, phương pháp y học trong điều trị, phục hồi, chức năng cho người nghiện ma túy: 0150.0153	1.371	1.371	0	0
	Dự án giám sát dịch HIV/AIDS và can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV: 0410.0412	80	80	0	0
	Dự án Phòng chống bệnh tăng huyết áp: 0370.0378.0006	2.561	2.561	0	0
	Dự án Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính: 0370.0378.0009	1.609	1.609	0	0
26	Viện Huyết học truyền máu trung ương	879.344	48.298	0	831.046
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	1.598	1.598	0	0
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	45	45	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	870.326	39.280	0	831.046
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	3.000	3.000	0	0

	Truyền thông về vận động hiến máu tình nguyện: 0370.0381.0003	4.300	4.300	0	0
	Dự án giám sát dịch HIV/AIDS và can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV: 0410.0412	75	75	0	0
27	Bệnh viện Da liễu trung ương	107.926	27.760	0	80.166
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	105.466	25.300	0	80.166
	Dự án Phòng chống Phong: 0370.0378.0002	2.400	2.400	0	0
	Dự án giám sát dịch HIV/AIDS và can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV: 0410.0412	60	60	0	0
28	Bệnh viện Lão khoa trung ương	130.356	23.556	0	106.801
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	129.356	22.556	0	106.801
	Hoạt động Chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi: 0370.0381.0004	1.000	1.000	0	0
29	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới trung ương	298.736	88.431	0	210.306
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	517	517	0	0
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	50	50	0	0
	Loại 490-505: Đào tạo khác trong nước	400	400	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	249.233	38.927	0	210.306
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	31.027	31.027	0	0
	Dự án hỗ trợ điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con: 0410.0413	17.109	17.109	0	0
	Dự án phòng chống sốt xuất huyết: 0370.0378.0004	400	400	0	0
30	Bệnh viện Da khoa trung ương Thái Nguyên	294.591	92.999	0	201.592
	Loại 280-281: Chi sự nghiệp Bảo vệ môi trường	9.066	9.066	0	0

	Loại 490-505: Đào tạo khác trong nước	333	333	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	284.792	83.200	0	201.592
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	100	100	0	0
	Truyền thông về vận động hiến máu tình nguyện: 0370.0381.0003	50	50	0	0
	Dự án phòng chống bệnh ung thư: 0370.0378.0005	250	250	0	0
31	Bệnh viện E	274.988	68.546	0	206.442
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	274.988	68.546	0	206.442
32	Bệnh viện E - Trung tâm Tim mạch trực thuộc bệnh viện E	146.531	42.867	0	103.663
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	146.531	42.867	0	103.663
33	Bệnh viện Phổi trung ương	412.089	215.723	0	196.367
	Loại 490-505: Đào tạo khác trong nước	125	125	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	273.633	77.266	0	196.367
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	500	500	0	0
	Dự án Phòng chống Lao: 0370.0378.0001	137.831	137.831	0	0
34	Bệnh viện Phụ sản trung ương	596.245	50.695	0	545.549
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	1.088	1.088	0	0
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	347	347	0	0
	Loại 490-505: Đào tạo khác trong nước	279	279	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	586.208	40.659	0	545.549
	Dự án Sức khỏe sinh sản: 0370.0374.0001	148	148	0	0
	Dự án cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em: 0370.0374.0002	97	97	0	0

	Dự án tầm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh: 0030.0041	8.077	8.077	0	0
35	Bệnh viện K	1.043.901	91.686	0	952.215
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	2.150	2.150	0	0
	Loại 490-505: Đào tạo khác trong nước	198	198	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	1.039.307	87.092	0	952.215
	Dự án phòng chống bệnh ung thư: 0370.0378.0005	2.246	2.246	0	0
36	Bệnh viện Tai - Mũi - Họng trung ương	182.084	11.620	0	170.464
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	500	500	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	181.584	11.120	0	170.464
37	Viện Pháp y quốc gia	25.240	25.236	0	4
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	25.240	25.236	0	4
38	Bệnh viện Thống Nhất	577.451	101.496	0	475.954
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	577.451	101.496	0	475.954
39	Bệnh viện C Đà Nẵng	149.878	66.999	0	82.879
	Loại 490-504: Đào tạo lại	15	15	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	148.085	65.207	0	82.879
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	1.777	1.777	0	0
40	Bệnh viện Chợ Rẫy	3.191.459	53.664	0	3.137.795
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	2.103	2.103	0	0
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	502	502	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	3.188.805	51.010	0	3.137.795
	Truyền thông về vận động hiến máu	48	48	0	0

	tình nguyện: 0370.0381.0003				
41	Bệnh viện Đa khoa trung ương Huế	1.056.821	107.992	0	948.829
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	370	370	0	0
	Loại 490-505: Đào tạo khác trong nước	175	175	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	1.055.744	106.914	0	948.829
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	100	100	0	0
	Dự án Sức khỏe sinh sản: 0370.0374.0001	50	50	0	0
	Truyền thông về vận động hiến máu tình nguyện: 0370.0381.0003	50	50	0	0
	Dự án phòng chống sốt xuất huyết: 0370.0378.0004	93	93	0	0
	Dự án phòng chống bệnh ung thư: 0370.0378.0005	239	239	0	0
42	Bệnh viện Tâm thần trung ương II	149.039	113.731	0	35.308
	Loại 490-505: Đào tạo khác trong nước	234	234	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	147.477	112.169	0	35.308
	Dự án BVSK tâm thần cộng đồng: 0370.0378.0008	1.328	1.328	0	0
43	Bệnh viện Phong và Da liễu Quy Hòa	97.445	52.560	0	44.885
	Loại 490-504: Đào tạo lại	180	180	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	96.665	51.780	0	44.885
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	100	100	0	0
	Dự án Phòng chống Phong: 0370.0378.0002	500	500	0	0
44	Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương TP.Hồ Chí Minh	87.055	7.945	0	79.110
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	545	545	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	85.708	6.598	0	79.110

	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	802	802	0	0
45	Bệnh viện Đa Khoa Trung Ương Quảng Nam	183.092	48.624	0	134.468
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	183.092	48.624	0	134.468
46	Bệnh viện Đa Khoa Trung Ương Cần Thơ	439.108	71.777	0	367.331
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	439.108	71.777	0	367.331
47	Bệnh viện Việt Nam - Thụy điển Uông Bí	277.198	60.880	0	216.318
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	277.198	60.880	0	216.318
48	Bệnh viện Mắt Trung ương	202.581	10.085	0	192.496
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	360	360	0	0
	Loại 490-504: Đào tạo lại	15	15	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	201.006	8.510	0	192.496
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	1.200	1.200	0	0
49	Viện bóng Lê Hữu Trác	95.238	17.592	0	77.646
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	1.716	1.716	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	93.522	15.876	0	77.646
50	Bệnh viện Nội tiết Trung Ương	277.473	16.297	0	261.176
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	227	227	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	265.770	4.600	0	261.169
	Loại 502-523: Hoạt động y tế dự phòng	6.480	6.474	0	6
	Dự án cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em: 0370.0374.0002	94	94	0	0

	Nâng cao năng lực truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình: 0370.0381.0001	100	100	0	0
	Dự án Phòng chống bệnh đái tháo đường: 0370.0378.0007	4.802	4.802	0	0
51	Bệnh viện Tâm thần Trung ương I	117.340	104.152	0	13.188
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	130	130	0	0
	Loại 490-504: Đào tạo lại	27	27	0	0
	Loại 490-505: Đào tạo khác trong nước	242	242	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	113.036	99.848	0	13.188
	Đề án nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và nghiên cứu, thẩm định, triển khai ứng dụng, đánh giá các loại thuốc, phương pháp y học trong điều trị, phục hồi, chức năng cho người nghiện ma túy: 0150.0153	1.212	1.212	0	0
	Dự án BVSK tâm thần cộng đồng: 0370.0378.0008	2.692	2.692	0	0
52	Bệnh viện 71 Trung Ương	83.235	53.511	0	29.724
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	83.066	53.342	0	29.724
	Dự án Phòng chống Lao: 0370.0378.0001	169	169	0	0
53	Bệnh viện 74 Trung Ương	115.140	58.680	0	56.459
	Loại 490-505: Đào tạo khác trong nước	125	125	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	114.845	58.386	0	56.459
	Dự án Phòng chống Lao: 0370.0378.0001	169	169	0	0
54	Bệnh viện Phong và Da liễu Trung ương Quỳnh Lập	53.147	39.577	0	13.570
	Loại 490-504: Đào tạo lại	39	39	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	52.947	39.377	0	13.570

	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	62	62	0	0
	Dự án Phòng chống Phong: 0370.0378.0002	99	99	0	0
55	Bệnh viện Răng hàm mặt Trung ương Hà Nội	149.902	8.280	0	141.622
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	220	220	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	148.182	6.560	0	141.622
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	1.500	1.500	0	0
56	Bệnh viện Y học cổ truyền Trung Ương	126.846	47.625	0	79.221
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	93	93	0	0
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	130	130	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	126.267	47.046	0	79.221
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	357	357	0	0
57	Bệnh viện Châm cứu Trung Ương	90.339	48.907	0	41.432
	Loại 250-251: Trợ giá tạp chí	50	40	0	10
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	704	657	0	47
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	70	70	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	89.515	48.140	0	41.375
58	Bệnh viện Điều dưỡng và PHCN Trung Ương	35.984	27.441	0	8.542
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	35.834	27.291	0	8.542
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	150	150	0	0
59	Viện Giám định y khoa	1.253	1.242	0	11
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	1.253	1.242	0	11

60	Bệnh viện Việt Nam - Cuba Đồng Hới	183.038	78.271	0	104.767
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	182.963	78.196	0	104.767
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	76	76	0	0
61	Viện Giám định pháp y tâm thần Trung Ương	49.356	41.945	435	6.976
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	49.356	41.945	435	6.976
62	Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật thiết bị y tế	10.926	8.257	1.275	1.391
	Loại 490-501: Đào tạo Cao đẳng	10.095	7.426	1.275	1.394
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	12	12	0	0
	Dự án đổi mới và phát triển dạy nghề: 0250.0255	819	819	0	0
63	Trường Đại học Kỹ thuật y tế Hải Dương	99.266	42.215	33.472	23.579
	Loại 490-502: Đào tạo Đại học	82.750	41.600	33.472	7.678
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	15.900	0	0	15.900
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	16	16	0	0
	Dự án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân: 0110.0121	600	600	0	0
64	Trường Cao đẳng dược trung ương Hải Dương	42.697	26.596	15.846	255
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	492	492	0	0
	Loại 490-497: Đào tạo Trung học	2.705	2.450	0	255
	Loại 490-501: Đào tạo Cao đẳng	39.091	23.245	15.846	0
	Loại 490-504: Đào tạo lại	40	40	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	69	69	0	0
	Dự án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân: 0110.0121	300	300	0	0
65	Trường Đại học Kỹ thuật Y Dược Đà	69.182	34.274	26.428	8.480

	Năng				
	Loại 490-497: Đào tạo Trung học	11.770	2.410	4.276	5.084
	Loại 490-501: Đào tạo Cao đẳng	20.721	180	18.406	2.135
	Loại 490-502: Đào tạo Đại học	36.071	31.064	3.746	1.261
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	20	20	0	0
	Dự án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân: 0110.0121	600	600	0	0
66	Học viện y dược học cổ truyền Việt Nam	174.815	51.808	29.498	93.509
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	1.529	1.529	0	0
	Loại 490-502: Đào tạo Đại học	140.226	36.357	29.498	74.371
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	550	550	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	32.438	13.300	0	19.138
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	72	72	0	0
67	Trường Đại học Y Hà Nội	359.424	153.742	67.455	138.227
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	1.818	1.818	0	0
	Loại 340-348: Quan hệ tài chính với nước ngoài	1.100	1.100	0	0
	Loại 490-502: Đào tạo Đại học	213.379	129.018	40.370	43.991
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	45.260	17.363	27.085	812
	Loại 490-504: Đào tạo lại	80	80	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	94.146	723	0	93.423
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	2.909	2.909	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	50	50	0	0
	Dự án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân: 0110.0121	181	181	0	0
	Dự án cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em: 0370.0374.0002	150	150	0	0

	Dự án giám sát dịch HIV/AIDS và can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV: 0410.0412	100	100	0	0
	Dự án phòng chống bệnh ung thư: 0370.0378.0005	250	250	0	0
68	Trường Đại học Dược Hà Nội	132.265	59.173	36.960	36.131
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	7.349	7.349	0	0
	Loại 340-348: Quan hệ tài chính với nước ngoài	1.570	1.570	0	0
	Loại 490-502: Đào tạo Đại học	115.716	42.624	36.960	36.131
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	1.980	1.980	0	0
	Loại 490-504: Đào tạo lại	30	30	0	0
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	5.306	5.306	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	14	14	0	0
	Dự án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân: 0110.0121	300	300	0	0
69	Trường Đại học Y Dược Thái Bình	182.731	67.150	51.013	64.568
	Loại 280-281: Chi sự nghiệp Bảo vệ môi trường	290	290	0	0
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	1.350	1.350	0	0
	Loại 340-348: Quan hệ tài chính với nước ngoài	15.148	15.148	0	0
	Loại 490-502: Đào tạo Đại học	133.743	48.121	49.116	36.505
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	3.708	1.430	1.897	382
	Loại 490-504: Đào tạo lại	33	33	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	27.681	0	0	27.681
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	33	33	0	0
	Dự án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân: 0110.0121	595	595	0	0

	Dự án cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em: 0370.0374.0002	150	150	0	0
70	Trường Đại học Y Dược TP.Hồ Chí Minh	324.720	163.116	80.895	80.708
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	500	500	0	0
	Loại 340-348: Quan hệ tài chính với nước ngoài	3.200	3.200	0	0
	Loại 490-497: Đào tạo Trung học	13.300	13.300	0	0
	Loại 490-502: Đào tạo Đại học	288.408	126.805	80.895	80.708
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	17.970	17.970	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	1.000	1.000	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	42	42	0	0
	Dự án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân: 0110.0121	300	300	0	0
71	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	166.348	56.085	47.330	62.934
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	7.197	7.197	0	0
	Loại 490-502: Đào tạo Đại học	120.576	45.627	47.330	27.619
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	2.640	2.640	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	35.315	0	0	35.315
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	25	25	0	0
	Dự án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân: 0110.0121	596	596	0	
72	Trường Đại học Điều Dưỡng Nam Định	74.855	35.133	28.877	10.846
	Loại 490-502: Đào tạo Đại học	74.036	34.313	28.877	10.846
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	380	380	0	0
	Loại 490-504: Đào tạo lại	45	45	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	94	94	0	0
	Dự án tăng cường dạy và học ngoại	300	300	0	0

	ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân: 0110.0121				
73	Trường Đại học Y tế Công Cộng	68.256	41.673	18.343	8.240
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	1.287	1.287	0	0
	Loại 340-348: Quan hệ tài chính với nước ngoài	182	182	0	0
	Loại 490-502: Đào tạo Đại học	56.978	30.395	18.343	8.240
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	2.510	2.510	0	0
	Loại 490-504: Đào tạo lại	1.932	1.932	0	0
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	3.647	3.647	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	351	351	0	0
	Dự án tăng cường phòng, chống bệnh nghề nghiệp: 0270.0275	70	70	0	0
	Dự án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân: 0110.0121	700	700	0	0
	Dự án phòng chống bệnh ung thư: 0370.0378.0005	600	600	0	0
74	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	257.345	51.713	45.732	159.901
	Loại 490-502: Đào tạo Đại học	224.022	45.757	45.732	132.533
	Loại 490-503: Đào tạo Sau đại học	5.113	5.113	0	0
	Loại 490-504: Đào tạo lại	30	30	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	27.367	0	0	27.367
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	220	220	0	0
	Dự án tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân: 0110.0121	593	593	0	0
75	Văn Phòng Bộ	122.891	120.438	0	2.453
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	287	287	0	0
	Loại 460-464: Quản lý hành chính	56.690	54.237	0	2.453
	Loại 490-504: Đào tạo lại	297	297	0	0

	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	3.200	3.200	0	0
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	35.178	35.178	0	0
	Các dự án xây dựng nông thôn mới: 0390.0391	63	63	0	0
	Đề án nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và nghiên cứu, thẩm định, triển khai ứng dụng, đánh giá các loại thuốc, phương pháp y học trong điều trị, phục hồi, chức năng cho người nghiện ma túy: 0150.0153	700	700	0	0
	Dự án Sức khỏe sinh sản: 0370.0374.0001	4.875	4.875	0	0
	Dự án cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em: 0370.0374.0002	350	350	0	0
	Dự án quân dân y kết hợp: 0370.0375	9.900	9.900	0	0
	Nâng cao năng lực truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình: 0370.0381.0001	11.350	11.350	0	0
76	Cục Quản lý Dược	37.154	6.409	0	30.745
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	39	39	0	0
	Loại 460-464: Quản lý hành chính	37.115	6.370	0	30.745
77	Cục An toàn thực phẩm	51.135	36.367	0	14.767
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	660	660	0	0
	Loại 460-464: Quản lý hành chính	26.615	11.847	0	14.767
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	100	100	0	0
	Dự án nâng cao năng lực quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm ở Việt Nam: 0170.0171	5.280	5.280	0	0
	Dự án thông tin giáo dục truyền thông đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm: 0170.0172	9.522	9.522	0	0

	Dự án tăng cường năng lực kiểm nghiệm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm; xây dựng hệ thống giám sát ngộ độc thực phẩm, các bệnh truyền qua thực phẩm và phân tích nguy cơ ô nhiễm thực phẩm: 0170.0173	4.860	4.860	0	0
	Dự án phòng, chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm: 0170.0178	4.098	4.098	0	0
78	Cục Y tế dự phòng	37.504	37.504	0	0
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	20	20	0	0
	Loại 460-464: Quản lý hành chính	5.435	5.435	0	0
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	15.188	15.188	0	0
	Dự án cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em: 0370.0374.0002	198	198	0	0
	Hoạt động truyền thông về y tế học đường: 0370.0381.0002	2.372	2.372	0	0
	Dự án phòng chống sốt xuất huyết: 0370.0378.0004	14.151	14.151	0	0
	Dự án phòng chống bệnh tăng huyết áp: 0370.0378.0006	140	140	0	0
79	Cục phòng chống HIV/AIDS	15.523	15.523	0	0
	Loại 460-464: Quản lý hành chính	6.525	6.525	0	0
	Dự án thông tin giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi phòng HIV/AIDS: 0410.0411	2.767	2.767	0	0
	Dự án giám sát dịch HIV/AIDS và can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV: 0410.0412	5.842	5.842	0	0
	Dự án hỗ trợ điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con: 0410.0413	390	390	0	0
80	Cục Quản lý khám chữa bệnh	23.024	20.657	0	2.367
	Loại 460-464: Quản lý hành chính	9.171	6.804	0	2.367
	Loại 490-505: Đào tạo khác trong nước	2.376	2.376	0	0

	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	3.563	3.563	0	0
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	5.828	5.828	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	693	693	0	0
	Phục hồi chức năng cho người khuyết tật: 0370.0381.0005	702	702	0	0
	Dự án phòng chống sốt xuất huyết: 0370.0378.0004	343	343	0	0
	Dự án phòng chống bệnh ung thư: 0370.0378.0005	148	148	0	0
	Dự án Phòng chống bệnh tăng huyết áp: 0370.0378.0006	199	199	0	0
81	Cục Quản lý môi trường y tế	19.918	18.730	0	1.188
	Loại 280-281: Chi sự nghiệp Bảo vệ môi trường	1.490	1.490	0	0
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	1.464	1.464	0	0
	Loại 460-464: Quản lý hành chính	6.511	5.323	0	1.188
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	6.323	6.323	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	440	440	0	0
	Dự án nâng cao năng lực, TT và GS: 0070.0077	2.894	2.894	0	0
	Dự án tăng cường phòng, chống bệnh nghề nghiệp: 0270.0275	796	796	0	0
82	Cục Khoa học công nghệ và đào tạo	10.044	10.044	0	0
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	5.631	5.631	0	0
	Loại 460-464: Quản lý hành chính	3.490	3.490	0	0
	Loại 490-502: Đào tạo Đại học	809	809	0	0
	Loại 490-504: Đào tạo lại	114	114	0	0
83	Cục Công nghệ Thông tin	22.893	22.889	0	4
	Loại 460-464: Quản lý hành chính	1.838	1.838	0	0
	Loại 490-504: Đào tạo lại	63	63	0	0

	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	20.992	20.988	0	4
84	Cục Quản lý y Dược Cổ Truyền	6.974	6.741	0	233
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	650	650	0	0
	Loại 460-464: Quản lý hành chính	2.944	2.711	0	233
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	2.600	2.600	0	0
	Đề án nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và nghiên cứu, thẩm định, triển khai ứng dụng, đánh giá các loại thuốc, phương pháp y học trong điều trị, phục hồi, chức năng cho người nghiện ma túy: 0150.0153	780	780	0	0
85	Văn phòng tổng cục dân số kế hoạch hóa gia đình	29.332	29.332	0	0
	Loại 460-464: Quản lý hành chính	15.846	15.846	0	0
	Dự án đảm bảo hậu cần và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình: 0030.0038	5.509	5.509	0	0
	Dự án tầm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh: 0030.0041	1.500	1.500	0	0
	Dự án nâng cao năng lực truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện: 0030.0042	2.207	2.207	0	0
	Đề án Kiểm soát dân số vùng biển đảo, đảo và ven biển: 0030.0037	4.270	4.270	0	0
86	Ban quản lý các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia DS-KHHGĐ	120.516	120.302	0	215
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	960	960	0	0
	Dự án đảm bảo hậu cần và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình: 0030.0038	54.644	54.429	0	215
	Dự án tầm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh: 0030.0041	50.531	50.531	0	0

	Dự án nâng cao năng lực truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện: 0030.0042	4.514	4.514	0	0
	Đề án Kiểm soát dân số vùng biển đảo, đảo và ven biển: 0030.0037	9.868	9.868	0	0
87	Trung tâm nghiên cứu Thông tin và Dữ liệu	7.364	7.364	0	0
	Loại 460-464: Quản lý hành chính	2.050	2.050	0	0
	Dự án đảm bảo hậu cần và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình: 0030.0038	400	400	0	0
	Dự án tầm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh: 0030.0041	1.150	1.150	0	0
	Dự án nâng cao năng lực truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện: 0030.0042	3.364	3.364	0	0
	Đề án Kiểm soát dân số vùng biển đảo, đảo và ven biển: 0030.0037	400	400	0	0
88	Trung tâm tư vấn và cung ứng dịch vụ	3.155	3.155	0	0
	Dự án đảm bảo hậu cần và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình: 0030.0038	1.200	1.200	0	0
	Dự án tầm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh: 0030.0041	600	600	0	0
	Đề án Kiểm soát dân số vùng biển đảo, đảo và ven biển: 0030.0037	1.355	1.355	0	0
89	Trung tâm Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ dân số y tế	5.758	5.758	0	0
	Loại 490-505: Đào tạo khác trong nước	3.498	3.498	0	0
	Loại 520-528: Chi Hoạt động xã hội khác	30	30	0	0
	Dự án đảm bảo hậu cần và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình: 0030.0038	200	200	0	0
	Dự án tầm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mất cân bằng	1.030	1.030	0	0

	giới tính khi sinh: 0030.0041				
	Dự án nâng cao năng lực truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện: 0030.0042	400	400	0	0
	Đề án Kiểm soát dân số vùng biển đảo, đảo và ven biển: 0030.0037	600	600	0	0
90	Viện trang thiết bị và công trình y tế	2.367	2.367	0	0
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	367	367	0	0
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	2.000	2.000	0	0
91	Trung tâm nghiên cứu sản xuất vacxin và sinh phẩm y tế	7.071	7.071	0	0
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	871	871	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	6.200	6.200	0	0
92	Dự án chăm sóc sức khỏe nhân dân các tỉnh Tây Nguyên-GĐII	1.000	1.000	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	1.000	1.000	0	0
93	Dự án Phòng chống HIV/AIDS ở Việt Nam - WB	685	685	0	0
	Dự án giám sát dịch HIV/AIDS và can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV: 0410.0412	685	685	0	0
94	Ban quản lý dự án phòng, chống HIV/AIDS khu vực Châu Á tại Việt Nam	271	271	0	0
	Dự án giám sát dịch HIV/AIDS và can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV: 0410.0412	271	271	0	0
95	BQL dự án hỗ trợ CSSK cho người nghèo các tỉnh phía Bắc và Tây Nguyên ...	300	300	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	300	300	0	0
96	BQL Dự án phát triển y tế dự phòng (Vốn vay ODA - Cục y tế dự phòng)	3.192	3.192	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	3.192	3.192	0	0

97	BQL dự án phòng chống bệnh truyền nhiễm khu vực sông Mê Kông - Giai đoạn 2	5.053	5.053	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	5.053	5.053	0	0
98	Ban quản lí dự án bệnh viện tỉnh, vùng	2.515	2.515	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	2.515	2.515	0	0
99	BQL Dự án quỹ toàn cầu phòng, chống HIV/AIDS	1.631	1.631	0	0
	Dự án hỗ trợ điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con: 0410.0413	1.631	1.631	0	0
100	BQL Dự án Hỗ trợ y tế miền núi phía Bắc	1.453	1.453	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	1.453	1.453	0	0
101	Dự án hỗ trợ y tế vùng Bắc Trung Bộ	3.975	3.975	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	3.975	3.975	0	0
102	BQLDA Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện	1.800	1.800	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	1.800	1.800	0	0
103	BQL Dự án bảo vệ sức khỏe người lao động	400	400	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	400	400	0	0
104	BQL Dự án Hỗ trợ kỹ thuật tăng cường HTYT tuyến tỉnh	500	500	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	500	500	0	0
105	Dự án hỗ trợ nâng cao năng lực ngành y tế - EC	1.390	1.390	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	1.390	1.390	0	0
106	BQL dự án chương trình phát triển nguồn nhân lực y tế	18.740	18.740	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	18.740	18.740	0	0
107	BQL DA tăng cường chất lượng nguồn nhân lực trong hệ thống KCB - JICA	1.000	1.000	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	1.000	1.000	0	0
108	Ban đạo đức y sinh	500	500	0	0

	Loại 490-502: Đào tạo Đại học	500	500	0	0
109	Ban quản lý dự án VNM8P02	2.500	2.500	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	2.500	2.500	0	0
110	BQL DA JICA Sở theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em - JICA	230	230	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	230	230	0	0
111	BQL DA Hỗ trợ hệ thống y tế - Global Fund	146	146	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	146	146	0	0
112	BQL DA vì sự sống còn và phát triển của trẻ em 2012 - 2016	3.571	3.571	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	3.571	3.571	0	0
113	Tổng công ty dược Việt Nam	77	77	0	0
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	77	77	0	0
114	Tổng công ty thiết bị y dược Việt Nam	150	150	0	0
	Loại 520-523: Hoạt động y tế dự phòng	150	150	0	0
115	Dự án Phòng chống đại dịch cúm gia cầm, cúm ở người và dự phòng đại dịch cúm ở Việt Nam - WB GD2	5.000	5.000	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	5.000	5.000	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	0	0	0	0
116	Trung tâm điều phối quốc gia về ghép bộ phận cơ thể người	5.872	5.872	0	0
	Loại 520-521: Hoạt động của các bệnh viện	5.872	5.872	0	0
117	Dự án nâng cao năng lực phòng chống HIV/AIDS trong thương mại tiêu vùng Mê Công mở rộng	1.340	1.340	0	0
	Dự án thông tin giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi phòng HIV/AIDS: 0410.0411	27	27	0	0
	Dự án giám sát dịch HIV/AIDS và can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV: 0410.0412	1.283	1.283	0	0

	Dự án hỗ trợ điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con: 0410.0413	30	30	0	0
118	DA Nâng cao năng lực Quản lý an toàn thực phẩm trong thương mại tiểu vùng sông Mê Công mở rộng	1.367	1.367	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	1.367	1.367	0	0
119	Dự án tăng cường năng lực hệ thống y tế cơ sở 1 số tỉnh trọng điểm giai đoạn II	180	180	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	180	180	0	0
120	Ban quản lý dự án hỗ trợ y tế các tỉnh Đông Bắc Bộ và Đồng Bằng Sông Hồng	2.180	2.180	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	2.180	2.180	0	0
121	Ban quản lý dự án hợp tác y tế với WHO	1.777	1.777	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	1.777	1.777	0	0
122	Quỹ Phòng, chống tác hại của thuốc lá	16.853	0	0	16.853
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	16.853	0	0	16.853
123	Văn phòng chương trình phát triển sản phẩm vắc xin phòng bệnh cho người	596	596	0	0
	Loại 370-371: Chi Nghiên cứu khoa học	596	596	0	0
124	Ban quản lý dự án VAAC - US.CDC	1.350	1.350	0	0
	Dự án giám sát dịch HIV/AIDS và can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV: 0410.0412	1.350	1.350	0	0
125	BQL DA giáo dục và đào tạo nhân lực y tế phục vụ cải cách hệ thống y tế	200	200	0	0
	Loại 520-526: Sự nghiệp Y tế khác	200	200	0	0